

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2026/DS-ST

Ngày 21 - 7 - 2026

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Anh Minh.

- Ông Võ Sĩ Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc - là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Đắc Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 684/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2696/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T. Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn M - Chuyên viên xử lý nợ. Căn cước công dân số 0960980065xx theo Văn bản ủy quyền số: 1602/2025/UQN-CTQT ngày 01/10/2025 (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973; Căn cước công dân số 0961730106xx (vắng mặt).

Ông Trần Văn H, sinh năm 1976. Căn cước công dân số 0960760006xx (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Nhà không số, khóm X (nay là khóm T), phường L, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T (viết tắt: V1) với ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay số LN2403182077111 ngày 22/3/2024. Nội dung: bà T, ông H vay V1 số tiền 593.000.000 đồng, mục đích vay mua xe, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay

trong hạn tại thời điểm giải ngân 7.4%/năm được cố định trong năm; Hợp đồng cho vay số LN2509036349282 ngày 11/9/2025 bà T, ông H vay V1 số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 12%/năm được cố định trong năm.

Khi vay, bà T, ông H có thể chấp tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER CROSS, số khung: MK2XRNC1WPN013905, số máy: 4A91KCC2210, biển số 69A-148.17 theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN2403182077111 ký ngày 22/03/2024 được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại TP chứng nhận ngày 22/03/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2509036349282 ký ngày 22/03/2024 được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại TP chứng nhận ngày 11/09/2025.

Sau khi vay, bà T, ông H có thanh toán cho V1 vốn và lãi tổng số tiền là 235.456.976 đồng (trong đó: vốn 138.071.331 đồng, lãi 97.385.645 đồng thì ngưng không thanh toán theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 21/7/2026 bà T, ông H còn nợ V1 tổng số tiền vốn và lãi là 626.062.860 đồng. Trong đó: nợ vốn 554.928.669 đồng, lãi trong hạn 47.422.794 đồng, lãi quá hạn 23.711.397 đồng. Vì vậy V1 yêu cầu bà T, ông H trả số tiền vay còn nợ nêu trên và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ sau ngày **21/7/2026** cho đến khi bà T, ông H thanh toán nợ xong. Trường hợp bà T, ông H không thực hiện trả nợ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER CROSS, số khung: MK2XRNC1WPN013905, số máy: 4A91KCC2210, biển số 69A-148.17 theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN2403182077111 ký ngày 22/03/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2509036349282 ký ngày 22/03/2024.

- Đối với bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng bà T, ông H đều vắng mặt, bà T, ông H cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của V1.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu thanh toán nợ, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 21/7/2026 là 626.062.860 đồng. Trong đó: vốn 554.928.669 đồng, lãi trong hạn 47.422.794 đồng, lãi quá hạn 23.711.397 đồng và lãi phát sinh.

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số LN2403182077111 ký ngày 22/03/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2509036349282 ký ngày 22/03/2024.

+ Án phí, chi phí tố tụng xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào các ngày 22/3/2024, ngày 11/9/2025 giữa V1 với bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H có thỏa thuận ký kết các Hợp đồng cho vay số LN2403182077111, LN2509036349282 là thực tế có xảy ra, hợp đồng đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các Hợp đồng nêu trên là cơ sở để xem xét giải quyết khi phát sinh tranh chấp. Căn cứ Hợp đồng cho vay số LN2403182077111, LN2509036349282 và hồ sơ giải ngân cùng các tài liệu chứng cứ do V1 cung cấp, có cơ sở xác định sau khi vay bà T, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, tính đến hết ngày 21/7/2026 bà T, ông H còn nợ V1 tổng số tiền vốn và lãi là 626.062.860 đồng. Trong đó: nợ vốn 554.928.669 đồng, lãi trong hạn 47.422.794 đồng, lãi quá hạn 23.711.397 đồng, vì vậy V1 yêu cầu bà T, ông H thanh toán toàn bộ số tiền trên và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp số LN2403182077111 ký ngày 22/03/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2509036349282 ký ngày 22/03/2024 giữa V1 và bà T, ông H, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER CROSS, số khung: MK2XRNC1WPN013905, số máy: 4A91KCC2210, biển số 69A-148.17 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 69 000757 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh C cấp ngày 22/3/2024 tên Nguyễn Thị Kim T. Hiện tại V1 giữ Giấy chứng nhận, chiếc xe ô tô bà T, ông H đang quản lý, sử dụng. Xét thấy, hợp đồng thế chấp đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, không thanh toán nợ cho nguyên đơn đúng thời hạn thỏa thuận nên chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định số tiền 800.000 đồng. Xét thấy, do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu, do V1 đã thanh toán xong nên bà T, ông H có nghĩa vụ hoàn lại V1 số tiền 800.000 đồng.

[6] Do chấp nhận yêu cầu của V1 nên V1 không phải chịu án phí, V1 đã dự nộp án phí số tiền 13.670.000 đồng nên được hoàn trả lại. Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T nợ vay tính đến hết ngày 21/7/2026 với tổng số tiền là 626.062.860 đồng. Trong đó: nợ vốn 554.928.669 đồng, lãi trong hạn 47.422.794 đồng, lãi quá hạn 23.711.397 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 21/7/2026 bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2403182077111 ngày 22/3/2024; số LN2509036349282 ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

+ Về xử lý tài sản thế chấp:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN2403182077111 ký ngày 22/03/2024 được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại TP chứng nhận ngày 22/03/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2509036349282 ký ngày 22/03/2024 được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại TP chứng nhận ngày 11/09/2025. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H giao tài sản là chiếc xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER CROSS, số khung: MK2XRNC1WPN013905, số máy: 4A91KCC2210, biển số 69A-148.17 cho cơ quan thi hành án dân sự để xử lý phát mãi theo quy định, thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 69 000757 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh C cấp ngày 22/3/2024 tên Nguyễn Thị Kim T khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

- Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 800.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn H phải nộp số tiền là 29.042.500 đồng (chưa nộp). Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí, ngày 16/12/2025 Ngân hàng đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 13.670.000 đồng theo biên lai thu số 0006477 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được hoàn lại toàn bộ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV 1- Cà Mau;
- Phòng THADS KV 1-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thị Thu